TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2021/HS-ST
Ngày: 06-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1- Phạm Thị Bc1, sinh ngày 01-01-1972 tại An Minh, Kiên Giang; giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn H1 và bà Bùi Thị H2; chồng là Nguyễn Thiện Đ (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

2- Danh Bc2, sinh ngày 05-6-1987 tại An Biên, Kiên Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; con ông Danh B và bà Thị Th; vợ là Lê Thị Ch N và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

3- Nguyễn Văn Bc3 (tên gọi khác: T), sinh năm 1985 tại An Minh, Kiên Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Nh; vợ là Nguyễn Thị Tr và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

4- Vũ Văn Bc4 (tên gọi khác: S), sinh ngày 01-01-1956 tại An Minh, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: kp3, thị trấn T 11, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Vũ Nho S (đã chết) và bà Võ Thị H (đã chết); vợ là Phạm Thị B N và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

5- Lương Hoài Bc5, sinh ngày 01-01-1967 tại Thới Bình, Cà Mau; Giới tính: nam; Nơi cư trú: kp1, thị trấn T 11, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lương Thanh H (đã chết) và bà Trần Thị Á; vợ là Trần Thị Đ và có 01 người con, sinh năm 1991; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

6- Võ Văn Bc6, sinh năm 1986 tại An Minh, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp XĐ, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: lò rèn; trình độ văn hóa: 2/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn B và bà Trần Thị Đ; vợ là Lê Thị H và chưa có con; tiền án: ngày 10-01-2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng 09 ngày tù về tội đánh bạc, chấp hành xong án phí ngày 03-8-2020; tiền sự: Ngày 19-3-2012 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 603/QĐ-UBND; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bc2: Ông Hoàng Quốc Việt, Luật sư Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Kiên Giang (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Võ Văn Lq1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang (có mặt);

+ Vũ Văn Lq2, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 07-4-2020, tại ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Công an huyện An Minh kết hợp với Công an xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tụ điểm đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền, bằng hình thức đánh bài binh xập xám 13 lá, tại nhà Phạm Thị Bc1. Cơ quan Công an đã tạm giữ một số đối tượng đưa về trụ sở làm việc gồm: Phạm Thị Bc1, Bc4 Văn Bc4, Nguyễn Văn Bc3, Lương Hoài Bc5, Danh Bc2, Võ Văn Bc6, Bc2 Văn Lq2, Phạm Thị Bc6, Võ Văn Lq1, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị T. Thu giữ một số vật chứng gồm: 12 bộ bài tây đã qua sử dụng, 07 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 chiếc chiếu dùng đánh bạc; tiền Việt Nam thu tại chiếu bạc 12.000.000 đồng; 01 cái keo nhựa bên trong keo có số tiền Việt Nam 350.000 đồng.

Qua làm việc các đối tượng khai nhận: Vào sáng ngày 07-4-2020, Phạm Thị Bc1 gọi điện thoại cho Lương Hoài Bc5, Bc4 Văn Bc4 (Tên gọi khác: Sáng) và Nguyễn Văn Bc3 (Tên gọi khác: T) rủ đến nhà Bc1 đánh bài binh xập xám. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Bc5, Bc4, Bc3 cùng với Vũ Văn Lq2, Võ Văn Lq1, Phạm Thị Bc6 và Nguyễn Hoàng N đến nhà Bc1. Bc1 tiếp tục gọi điện thoại cho Danh Bc2 rủ đến nhà Bc1 để cùng chơi đánh bài. Một lúc sau Bc2 cùng với Võ Văn Bc6 đến. Các đối tượng đi vào trong phòng của Bc1 chơi đánh bài binh xập xám 13 lá ăn thua bằng tiền, khi chơi mỗi tụ đặt cược mỗi ván số tiền 500.000 đồng, mỗi người chia một ván (gọi là làm cái), thắng thua với hai tụ hai bên, còn tụ đối diện không thắng thua nhau, trong 01 ván bài mỗi người chỉ có thể thắng được số tiền cao nhất là 1.000.000 đồng. Cách chơi bài là mỗi tụ sẽ được tụ làm cái chia 13 lá bài, người chơi phân (binh) 13 lá bài thành 03 chi, chi đầu gồm 03 lá bài, chi giữa và chi cuối mỗi chi có 05 lá bài, sau khi những người chơi phân chi xong sẽ để bài xuống chiếu bạc và đối chiếu bài giữa các tụ với nhau để phân thắng thua, tụ làm cái sẽ phân thắng thua với hai tụ bên cạnh, không phân thắng thua với tụ đối diện, các tụ còn lại cũng có thể phân thắng thua với nhau nếu có thỏa thuận riêng. Có 04 người (tụ) chơi chính gồm: Danh

Bc2, Lương Hoài Bc5, Bc4 Văn Bc4 và Nguyễn Văn Bc3, trong đó Bc2 và Bc6 góp tiền (hùn) với nhau chơi cùng một tụ, Bc6 ngồi cạnh Bc2 bắt bài và phân chi (binh bài) để phân thắng thua với các tụ còn lại, Bc4 ngoài việc chơi thắng thua với những người chơi chính còn cá cược thắng thua riêng (đá) với Võ Văn Lq1 và Bc2 Văn Lq2 (Lq1 và Lq2 chỉ ngồi bên ngoài cá cược không có tụ cũng không hùn với ai), theo đó Lq1 bắt theo tụ bài của Bc3, Lq2 bắt theo tụ bài của Bc5 để phân thắng thua với Bc4 mỗi ván số tiền là 100.000 đồng, nếu bài của Bc4 thắng được bài của Bc3 và Bc5 thì Lq1 và Lq2 sẽ thua Bc4 và ngược lại.

Bc6 mang theo số tiền 2.000.000 đồng, Bc6 khai là để chơi đánh bạc, khi chơi Bc6 để xuống chiếu bạc cùng tụ với Bc2 số tiền 1.000.000 đồng. Danh Bc2 mang theo số tiền 12.100.000 đồng, Bc2 khai số tiền 12.000.000 đồng là của vợ đưa để đi mua tol về lợp nhà mồ cho ông ngoại, còn 100.000 đồng là tiền của Bc2, khi đi đánh bài vợ Bc2 không biết, Bc2 định chơi nếu thua hết số tiền 2.000.000 đồng sẽ nghỉ chơi, lúc chơi Bc2 chưa bỏ tiền xuống chiếu bạc, do Bc6 đã để số tiền hùn xuống trước. Bc5 mang theo số tiền 25.400.000 đồng, Bc5 khai số tiền 20.000.000 đồng do vợ đưa để đi đóng hụi cho bà Võ Thị Miền ở khu phố 1, thị trấn thứ Mười Một, còn lại số tiền 5.400.000 đồng là tiền riêng của Bc5, khi chơi Bc5 để xuống chiếu bạc số tiền 5.000.000 đồng. Bc4 mang theo số tiền 26.200.000 đồng, Bc4 khai số tiền trên định mua vật liệu xây dựng về sửa nhà nghĩ để cho thuê, khi chơi Bc4 để xuống chiếu bạc số tiền 2.200.000 đồng, dự định nếu chơi thua số tiền 5.000.000 đồng sẽ nghỉ chơi. Nguyễn Văn Bc3 mang theo số tiền 35.700.000 đồng, Bc3 khai định mang đi chuộc lại vàng của vợ Bc3 đang cầm cố cho tiệm vàng Trương Bc4 ở chợ Thứ Mười Một với số tiền 26.000.000 đồng và mua một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, khi chơi Bc3 để xuống chiếu bạc 4.100.000 đồng, dự định nếu thua hết sẽ nghỉ chơi.

Đến thời điểm bị Công an bắt quả tang, Danh Bc2 và Bc6 đã thắng được số tiền khoảng 5.000.000 đồng, Bc5 chơi thua số tiền khoảng 1.000.000 đồng, Bc3 chơi thua số tiền khoảng 2.500.000 đồng, Bc4 chơi thua số tiền 2.200.000 đồng. Những người còn lại gồm: Nguyễn Hoàng Nh, Phạm Thị Bc6 và Nguyễn Thị Tr không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem. Riêng Phạm Thị Bc1 tuy không trực tiếp chơi đánh bạc nhưng Bc1 đã có hành vi rũ rê và sử dụng nhà cho các đối tượng khác chơi đánh bạc để thu tiền xâu (hoa hồng), Bc1 cung cấp bài, chiếu và để 01 cái keo nhựa cho các đối tượng đánh bạc bỏ tiền xâu vào trong keo, cụ thể mỗi lần có người tới trắng (thắng hết các tụ còn lại) thì sẽ bỏ số tiền 20.000 đồng vào keo nhựa, khi các đối tượng nghỉ chơi Bc1 sẽ lấy số tiền trong

keo. Trong quá trình các đối tượng chơi đánh bạc, Bc1 phục vụ đồ ăn và nước uống miễn phí cho những người tham gia đánh bạc, Bc1 mua thuốc hút để cạnh chiếu bạc, nếu ai hút thuốc sẽ tự lấy và trả tiền mua thuốc cho Bc1 bằng cách bỏ vào chiếc keo nhựa dùng để đựng tiền xâu trên chiếu bạc. Khi Cơ quan Công an bắt quả tang, số tiền thu trong keo nhựa là 350.000 đồng. Bc1 khai trong những ngày có người đến đánh bạc, thường thì bắt đầu khoảng 12 giờ và kết thúc khoảng 16 giờ, Bc1 thu trong keo nhựa được khoảng 300.000 đồng, trong đó tiền xâu khoảng 150.000 đồng, còn lại là tiền thuốc hút, các đối tượng đánh bạc tại nhà Bc1 được khoảng 40 ngày, bị can thu lợi số tiền khoảng 6.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-AM ngày 09-11-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Phạm Thị Bc1, Vũ Văn Bc4, Nguyễn Văn Bc3, Lương Hoài Bc5, Danh Bc2, Võ Văn Bc6 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo phạm tội đánh bạc và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc6 từ 09 đến 12 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc4, Bc3, Bc5, Bc2 bằng hình phạt tiền, mỗi bị cáo từ 30 triệu đến 40 triệu đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 19 bộ bài tây; 01 chiếc chiếu; 01 cái keo nhựa; tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: số tiền dùng để đánh bạc và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Bc1.

- Bị cáo trình bày: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi vi phạm như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát; không tranh luận gì; Đều trình bày rất hối hận, ăn năn và hứa sẽ không vi phạm nữa và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ. Trong đó bị cáo Bc6 xin giảm nhẹ vì vợ đang mang bầu, phải nuôi cha mẹ già; bị cáo Bc2 có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Bc1 gia đình khó khăn, không có công việc ổn định.

Người bào chữa cho bị cáo Bc2: Thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đã nêu. Đề nghị xem xét: bị cáo có hoàn cảnh khó

khăn, gia đình nghèo, văn hóa thấp nên hạn chế nhận thức pháp luật. Đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét cho bị cáo mức thấp nhất.

Người liên quan: Không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thẩm tra. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định nội dung: Vào ngày 07-4-2020, tại ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, Phạm Thị Bc1 đã cung cấp bài, chiếu và dùng chỗ ở của mình để Bc4 Văn Bc4, Nguyễn Văn Bc3, Lương Hoài Bc5, Danh Bc2, Võ Văn Bc6 đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài binh xập xám 13 lá ăn thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 18.550.000 đồng, trong đó: Thu tại chiếu bạc số tiền 12.350.000 đồng; thu trên người các bị cáo, qua điều tra có căn cứ xác định dùng để đánh bạc số tiền 6.200.000 đồng. Bị cáo Bc1 đã tổ chức đánh bạc được khoảng 40 ngày với số tiền thu lợi bất chính 6.000.000đ.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo Bc1 đã có hành vi rũ rê, lôi kéo, cung cấp chiếu, bài và dùng chỗ ở của mình cho các bị cáo Bc4 Văn Bc4, Nguyễn Văn Bc3, Lương Hoài Bc5, Danh Bc2, Võ Văn Bc6 và một số đôi tượng khác trực tiếp đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài binh xập xám, được thua bằng tiền; tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 18.550.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo Bc1, Bc4, Bc3, Bc5, Bc2, Bc6 phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội và sự bất bình trong nhân dân. Bị cáo Bc1 là người khởi xướng, rũ rê, lôi kéo và cung cấp công cụ đánh bạc, cung cấp thức ăn, nước uống cho các con bạc; liên tục thực hiện hành vi vi phạm trong nhiều ngày tuy số tiền không đủ định lượng để xác định phạm tội nhiều lần nhưng cho thấy bị cáo chưa chấp hành tốt pháp luật, tạo ra một tụ điểm cờ bạc gây bất bình trong dư luận. Bị cáo Bc6 đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo Bc1, Bc6 một cách nghiêm khắc và loại hình phạt phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[5] Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố, điều tra về hành vi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo (trừ bị cáo Bc6) đều mới phạm tội lần đầu và tội phạm đã thực hiện là tội ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Bc4, Bc5, Bc2, Bc6, Bc3 đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền đánh bạc, HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bc1 và bị cáo Bc6 bằng hình phạt tù; áp dụng Điều 35 để xử phạt các bị cáo Bc4, Bc5, Bc3, Bc2 bằng hình phạt tiền là có cơ sở để chấp nhận. Khi quyết định hình phạt cần thấy bị cáo Bc1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Bc4 đang bị bệnh hiểm nghèo, cần phải điều trị; bị cáo Bc2 thuộc hộ nghèo và là người dân tộc sống tại địa bàn khó khăn để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng, áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

+ Đối với 19 (Mười chín) bộ bài tây, loại 52 lá, trong đó: 12 (Mười hai) bộ bài tây đã qua sử dụng, 07 (Bảy) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 (Một) chiếc chiếu dùng để đánh bạc; 01 (Một) cái keo nhựa hiệu VIET NHAT PLASTIC, nắp keo màu đỏ không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy;

+ Đối với số tiền đánh bạc là 18.550.000đ (gồm tiền thu tại chiếu bạc 12.350.000đ và tiền các bị cáo nộp gồm: Bc4 nộp 2.800.000đ; Bc5 nộp 400.000đ; Bc2 nộp 2.000.000đ; Bc6 nộp 1.000.000đ); số tiền Lq2 nộp

700.000đ; số tiền thu lợi bất chính của Phạm Thị Bc1 có được do thu tiền xâu (hoa hồng) trong quá trình thực hiện hành vi đánh bạc trái phép tổng số tiền là 6.000.000 đồng được tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Riêng số tiền 5.600.000 đồng do bị cáo Bc3 nộp qua điều tra không có căn cứ xác định số tiền trên là tiền dùng để đánh bạc, nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí, bị cáo Bc2 là cá nhân thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí; các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với những người có liên quan: có tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền, nhưng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện An Minh đã xử phạt và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Bc1, Bc4Vũ Văn Bc4 (S), Nguyễn Văn Bc3 (T), Lương Hoài Bc5, Danh Bc2, Võ Văn Bc6 phạm tội "Đánh bạc".

1.1- Căn khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Bc1 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Bc6 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.3- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bc3 (T) 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

1.4- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Hoài Bc5 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

1.5- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Bc4 (S) 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

1.6- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh Bc2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

1.7 - Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2 - Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm số tiền đánh bạc là 18.550.000đ (gồm tiền thu tại chiếu bạc 12.350.000đ đang gửi tại KBNN huyện An Minh và tiền các bị cáo nộp gồm: Bc4 nộp 2.800.000đ tại biên lai thu số 09605 ngày 09-10-2020; Bc5 nộp 400.000đ tại biên lai thu số 09604 ngày 09-10-2020; Bc2 nộp 2.000.000đ tại biên lai thu số 09610 ngày 12-10-2020; Bc6 nộp 1.000.000đ tại biên lai thu số 09609 ngày 12-10-2020); số tiền Lq2 nộp 700.000đ tại biên lai thu số 09607 ngày 09-10-2020; số tiền thu lợi bất chính của Phạm Thị Bc1 có được do thu tiền xâu (hoa hồng) trong quá trình thực hiện hành vi đánh bạc trái phép là 6.000.000 đồng (Buộc bị cáo Bc1 nộp lại số tiền 6.000.000đ để sung công quỹ). (Các biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh).

Tịch thu tiêu hủy gồm: 19 (Mười chín) bộ bài tây, loại 52 lá, trong đó: 12 (Mười hai) bộ bài tây đã qua sử dụng, 07 (Bảy) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 (Một) chiếc chiếu dùng để đánh bạc; 01 (Một) cái keo nhựa hiệu Viet nhat plastic, nắp keo màu đỏ (hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Bc3 (Tiển) số tiền 5.600.000 đồng do bị cáo Bc3 đã nộp tại biên lai thu số 09608 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Bc2 được miễn nộp tiền án phí; các bị cáo Bc1, Bc4, Bc3, Bc5, Bc6 mỗi bị cáo chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06-01-2021).

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- UBND xã ĐH, AM, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Chí Công